



Thư Tòa Soạn

Sau thế chiến II, những nghệ sĩ Mỹ cạo sát, và hoàn tất sự chuyển tiếp văn hóa từ Âu qua Mỹ, tạo nên những phong trào tiên phong thơ, hội họa, âm nhạc sôi nổi và năng động, suốt nửa sau thế kỷ 20. Vậy thì, bước qua thế kỷ 21, chuyện gì đang xảy ra với thơ Mỹ? Trước hết là Digital poetry (Thơ kỹ thuật số), còn gọi là E-poetry, Cyber poetry, Computer poetry. Nhà thơ dùng phần mềm (software) của computer, tổng hợp các dữ kiện (database) và các hướng dẫn để tạo ra hình thể (shape) và nội dung bài thơ. Thơ Digital kết hợp văn hóa thị giác (visual culture), photography, film, TV. Nhiều người đồng ý, thơ Digital bao gồm: thị giác, âm thanh, thơ cụ thể qua kỹ thuật vi tính. Những nhà thơ loại này thường là chuyên viên, giỏi về kỹ thuật vi tính. Bạn đọc có thể vào google, tìm “digital poetry” và chọn “Images” để nhìn ngắm những bài thơ này.

Một loại thơ phát xuất từ internet, Cyber poetry, còn được gọi là Flarf poetry, do nhà thơ Mỹ Gary Sullivan khởi xướng vào năm 1999. Đây là đoạn đầu bài thơ đầu tiên của ông:

‘Mm-hmm,’
Yeah, mm-hmm, it’s true
big birds make
big doo! I got fire inside
my ‘huppa’-chimp(TM)
gonna be aggressive, greasy aw yeah god
wanna DOOT! DOOT!
Pfffffffffffffffffffffffffffft! hey!

Bài thơ chỉ là trò chơi ráp chữ vô nghĩa, rập khuôn những gì đã có trước, đăng trên online, nhưng sau đó lại được một số nhà thơ hưởng ứng, và đưa ra cách làm thơ. Flarf poetry dùng

phương pháp lấy mẫu (sampling), cắt (cut) và dán (paste). Nhà thơ, với phương tiện google, tìm kiếm (search) những chữ (words) nhóm chữ (phrases), mệnh đề (clauses) và câu (sentences), sau đó đan dệt (stitch) lại với nhau để tạo thành bài thơ. Cách làm thơ này cũng không khác cách xóc chữ của Dada vào đầu thế kỷ trước. Đây là đoạn đầu trong bài thơ nhan đề “No One Cares Much What Happens to You” của Katie Degentesh:

when Serbs get mad, they talk
about a small town like Grace

Được cắt dán từ những câu chữ lấy trong những bản tin ở internet.

[No one cares much about angering the Serbs;] **when Serbs get mad, they talk about** [“human rights” and “European integrations.” When Albanians get mad, ...]

[When Codi asks if anyone has publicized the problem, Viola reminds her that no one cares much about] **a small town like Grace.** [Wandering around the cemetery ...]

Và cứ như thế, toàn bài thơ là những đoạn thơ rời rạc, vô nghĩa, chẳng liên hệ gì với nhau. Chỉ trong vòng 2 năm sau khi xuất hiện, cuộc khủng bố xảy ra, ngày 11 tháng 9 tại New York, một số nhà thơ đã làm những bài thơ có cảm xúc và câu truyện, mà nhà thơ Sharon Mesmer gọi là hậu Flarf (trong bài “Flarf is dead, long live Post-flarf”).

Cả hai loại thơ trên, thơ Digital và thơ Flarf, như những trò chơi thô thiển, so với những phong trào tiên phong trước đó, chỉ là những phản ứng

với sự bất lực của thơ dòng chính. Điều này cho thấy, thay đổi thơ không dễ, nếu không có những tia lửa bật ra từ sự khác biệt giữa các nền văn hóa. Thơ Mỹ, với hàng chục ngàn nhà thơ, hàng trăm giải thưởng thơ mỗi năm, đầy đủ phương tiện vật chất và học thuật, và dĩ nhiên, là một người làm thơ, ai không mong muốn đổi mới. Nhưng tại sao 25 năm kể từ đầu thập niên 1990s, thơ Mỹ vẫn bất động? Nhà thơ và nhà phê bình Josh Cook cho rằng đó là do lỗi hệ thống “cấu trúc giáo dục, kinh tế của xuất bản, sự phổ biến của quảng cáo, sự thống trị của giải trí, thậm chí tưởng tượng thơ mộng nhất của chúng ta cũng không còn môi trường để phát huy.”

Một tác phẩm bất ngờ và lý thú, tiểu thuyết thời sự *Trung – Việt Việt – Trung* của nhà văn Đỗ Quyên vừa ra mắt, do Người Việt Books 2016 xuất bản. Nhà thơ, nhà phê bình, đạo diễn Đỗ Minh Tuấn cho rằng, “trong *Trung-Việt Việt-Trung*, ‘đại dương’ vừa là không gian văn chương, vừa là thi pháp. Một sự trùng khớp hiếm hoi trong lịch sử sáng tạo văn học ...”, và “là cuốn tiểu thuyết hậu hiện đại trí tuệ, chua chát, hài hước, mới mẻ và hấp dẫn về thân phận thăng trầm éo le, bấp bênh đầy nghịch cảnh của dân tộc Việt Nam trong sự xoay vần của quan hệ Việt – Trung ...”

Tiểu thuyết hậu hiện đại trước thập niên 1980s dựa vào hư cấu (tưởng tượng) và trình thám, sau thập niên 1990s chuyển qua tiểu thuyết hậu hiện đại hiện thực (postmodernist realism). Nhưng sau 9 tháng 11 năm 2001, những nhà phê bình cho rằng, chủ nghĩa khủng bố đã tước đi không gian tưởng tượng của con người. Tin tức về tai họa là những tường thuật mà người đọc cần đọc, và biến cố tự nó đã là nghệ thuật. Nếu ở thập niên 1960s, 1970s những thể loại tiểu thuyết hòa trộn với sự kiện (non-fiction novel), như “Máu Lạnh” (Cold Blood) của Truman Capote, tiểu thuyết hòa trộn với tường thuật báo chí (New Journalism), được đọc như tiểu thuyết nhưng lại không phải tiểu thuyết, thì trong thế kỷ 21 sẽ là tiểu thuyết tân hiện thực, hòa trộn với công nghệ và phương tiện truyền thông. Trong cách này, thời sự là một dạng của hiện thực.

Khế Iêm
CHIẾC XE ĐẠP

Người đàn ông dựa xe đạp
vào vách tường vừa kịp
con giông ập xuống mang
theo mưa và mưa và

mưa xoá nhoà biên cương
giữa sáng tối và sự
vật và bụi mờ đầy
người đàn ông dần dần

lùi lại khoảng cách giữa
tiếng rơi mái hiên và
gió lạnh và chiếc xe
lấn tới lấn tới cho

đến khi những đường cong
vòng tròn những nan hoa
những góc cạnh khảm sâu
vào bức tường đã ó

màu thành bức tranh hiện
thực và người đàn ông
là chiếc bóng phai mờ
và cơn giông và mưa

và biên độ giữa hai
chiều thực tại còn đọng
lại nhiều năm sau đó
trong ký ức người đàn

ông những phút giây lạ
lùng tưởng chừng như câu
chuyện chỉ xảy ra trong
tâm trí.

Vương Ngọc Minh
THẾ NHÁ!

trong lúc đang nằm trên
giường thì tôi lại đi
tìm mình tôi thấy mình
đang một nửa trên đời

một nửa ở hố thăm
một nửa trên đời đang
đi vô đi ra một
nửa ở hố thăm hết

đứng lại ngồi một nửa
trên đời đang khi thì
giữa hà nội lúc giữa
sài gòn một nửa ở

hố thăm đang roi vào
dòng thời gian bấy giờ
và không gian khi đây
luôn mập mờ okay

để tránh sự cố nhưc
đầu cho mọi người vậy
nhá khoảng hai giờ sáng
trong phố cổ hà nội

đã ngót phần nào sự
huyền ảo nhiệt độ thấp
đến độ không thể xảy
diễn bất kì một sự

có nào khiến nhưc đầu
tôi choàng dậy – chấm dứt
chuyện đi tìm mình bất
kể bấy giờ người người

vẫn còn nhìn thấy tôi
tiếp tục đi vô đi
ra khi đứng lúc ngồi
một nửa trên đời khi

thì ở các trục lộ
chính như thụ khuê cầu
giấy nguyễn du một nửa
ở hố thăm lúc mờ

lên tận tôn đàn/ tôn
thất thuyết phùng hai quân
tư khi thì lộ ra
tới bùng binh chợ bến

thành sài gòn nói chung
thời gian khi đây – dưới
hố thăm sự ồn động
hoàn toàn không có cửa.

Nguyễn Văn Vũ
MÙA LŨ

chị nhìn đàn cò trắng
về rải ra những vạt
chiều trắng trên cánh đồng
nước nổi cơn gió bắc

quạt tắt ngọn lửa rừng
rực một ngàn độ C
lụi tàn cánh cửa lò
khép lại sau lưng chị

người phụ nữ quay mặt
tránh gió thờ dài đồng
tro nguội dần thờ dài
nổi đằng đặng mưa mưa

những ngày mưa vùi mặt
trong góc nhà ám khói
mà nhớ lửa nhớ nắng
nhớ gió nhớ câu chuyện

đời không kể xiết mà
kể sao xiết câu chuyện
đời rách như miếng giẻ
rách không thể lau khô

giọt nước mắt lăn thắm
trong bóng đêm như tấm
phên che chắn đời khổ
để không nhìn thấy đời

khổ sau tấm phên che
những ước mơ những ước
mơ ngập tràn mưa lũ
ngập tràn ngày tháng dim

chết cuộc tình dim chết
người đàn ông chắc nịch
của chị thành đồ bỏ
đi bỏ đi mà sao

không bỏ vào lò lửa
ngàn độ C để cùng
chị nung những viên gạch
đỏ như vỏ cua cùng

chị còng lưng kéo chiếc
xe cọc cà cọc cạch
chở lửa chở nắng chở
gió đi hết cuộc đời ...

Tháng 6 . 2016

Hường Thanh

NGÀY QUAY ĐẦU RA BAN CÔNG

cô em gái ra phơi
đồ giọt nước trên những
bộ đồ phơi đang rơi
đầm ìa xuống con phố

cô em gái vắt con
phố ra những nước trên
bộ đồ cả ngày mờ
hôi sinh sản ướt lên

xuống góc tối đã là
nơi chẳng thể vắt ra
giọt nước đã là nơi
chẳng thể bị ướt từ

mưa và mặc dù sự
ấm ướt tiếp diễn và
mặc dù con phố gắn
liền vào tất cả cả

khi những giọt nước trên
bộ đồ được phơi ngoài
ban công đang rơi xuống
xuống đầu để thay thế

mồ hôi không chảy đầm
ì ả lên thực thể của

Thiên Đăng

CÚ PHÁP CỦA MÙA

khi mùa thu tàn thiên
hạ đua nhau đổ lá
vàng thi ca khi trong

vườn chớm đông ông già
đếm ngược những chiếc lá
còn trơ trên cành rơi

xuống trên đầu tóc đã
hói của ông đã ba
xuân rồi tóc không mọc

thêm nữa mùa hạ sắp
tới không biết ông còn
đếm lá hay đếm tóc?

Nguyễn Thánh Ngã

O CHUỘT

ngày xưa Tô Hoài viết O chuột đọc
hoài vẫn không thấy O chuột nào giống
O chuột mình đã đọc thì nay có

O chuột nhất trong tủ sách gặm vài
tờ xé vài tờ rồi lót ổ nằm
trên đồng chữ rách nát lâu ngày bỗng

nhiên O thông minh dữ dội O bèn
nghĩ ra cách đối phó với lão mèo
đen luôn kêu “meo meo” hù dọa cháu

con nhà họ chuột một hôm O chuột
âm thầm tự chui vào cái bẫy lão
mèo đen hí hửng thò tay vào định

chộp O chuột bỗng cái bẫy sập dính
chặt móng sắt vào tay mèo đen lão
giãy giụa trong tiếng cười nhạo của O

chuột càng giãy giụa tay lão mèo càng
đau đớn tận lão nhận ra cái kế
dụ khị thâm độc của O chuột nên

lão xuống giọng xin xỏ hãy thả ta
ra ta sẽ tha cho con cháu nhà
chuột nhưng O chuột chỉ kêu “chít chít”

nhờ ăn cái chữ đã thành tinh khôn ...

POETRY AS ENCHANTMENT

THƠ NHƯ NIỀM MÊ HOẶC

Dana Gioia

A rational adult understands that neither the star nor the spell has any physical power to transform reality in accordance with the child's wish. But the poet knows that by articulating a wish, by giving it tangible form, the child can potentially awaken the forces of imagination and desire that animate the future. As André Breton proposed, "The imaginary tends to become real."

Poetry recognizes the mysterious relationship between dream and reality. In tribal societies, the shaman navigates the paths between the worlds of sleep and waking, and modern poetry still claims some power to connect the conscious and unconscious minds. The central aim of Surrealism was both to connect and to reconcile dream and reality—a vision that haunted much of twentieth century poetry. The challenge was how to join the dreaming and waking worlds. Surrealism's reliance on imagery to create its spell was innovative. Traditionally, poetry had relied primarily on recurring patterns of sound. Edith Sitwell maintained that "Rhythm is one of the principal translators between dream and reality"—an observation now confirmed by cognitive science about the impact of shamanistic chanting on the human mind and body. As Arthur Koestler wrote, "The witch-doctor hypnotizes his audience with the monotonous rhythm of his drum; the poet merely provides the audience with the means to hypnotize itself." Bringing dreams into waking consciousness is not an evasion of reality, but an illumination and exploration of reality. "In dreams," W. B. Yeats observed, "begin responsibilities."

Một người đã trưởng thành, có lí trí, hẳn hiểu rằng ngôi sao cũng như câu bùa chú chẳng hề có sức mạnh vật lí nào để có thể biến đổi thực tại sao cho phù hợp với ước nguyện của các em nhỏ. Nhưng nhà thơ biết rằng khi phát biểu một ước nguyện, khi ban cho ước nguyện một dạng hữu hình, xác thực, thì em nhỏ đó có thể làm thức tỉnh những sức mạnh của tưởng tượng và của ước muốn để làm sinh động tương lai. Như André Breton đã đề xuất: "Điều tưởng tượng có khuynh hướng trở thành cái thực."

Thơ nhận ra tương quan kì bí giữa mơ mộng và thực tại. Trong những xã hội bộ lạc, pháp sư đi xuyên qua những lối đi giữa thế giới thiếp ngủ và thế giới tỉnh thức, và thơ hiện đại vẫn còn khẳng định rằng có một sức mạnh nào đó khi nối kết hai tâm trí ý thức và vô thức. Mục đích chủ yếu của chủ nghĩa Siêu thực là vừa nối kết vừa hòa giải mơ mộng với thực tại – một viễn kiến từng ám ảnh nhiều nhà thơ thế kỉ 20. Thách thức là làm sao nối kết thế giới mơ mộng với thế giới tỉnh thức. Sự kiện chủ nghĩa Siêu thực dựa vào hình tượng để tạo được sự thu hút là một điều đổi mới. Về mặt truyền thống, thơ chủ yếu dựa vào những mô hình lặp lại thanh âm. Edith Sitwell khẳng định rằng "Nhịp điệu là một trong những người phiên dịch chính yếu giữa mơ mộng và thực tại" – nhận xét này giờ đây được khoa nhận thức học chứng thực khi xét về tác động của lời tụng có nhịp điệu đều đều của pháp sư [hay thầy mo] lên tâm trí và cơ thể con người. Như Arthur Koestler đã viết, "Pháp sư [thầy mo] thôi miên cử tọa của ông bằng nhịp điệu đều đều của trống; còn nhà thơ chỉ cung cấp phương tiện cho cử tọa thôi miên chính họ." Đem những giấc mộng vào ý thức tỉnh thức không phải là đào thoát khỏi thực tại, mà là soi sáng và thám hiểm thực tại. "Trong những giấc mộng," W. B. Yeats đã nhận xét, "là sự khởi đầu của những trách nhiệm."

III

The unpopularity of poetry at present . . . is in some ways an advantage both to poetry and to society as a whole.

– David Perkins

Academic critics often dismiss the responses of average readers to poetry as naïve and vague, and there is some justification for this assumption. The reactions of most readers are undisciplined, haphazard, incoherent, and hopelessly subjective. Worse yet, amateurs often read only part of a poem because a word or image sends them stumbling backwards into memory or spinning forward into the imagination. But the amateur who reads poetry from love or curiosity does have at least one advantage over the trained specialist who reads it from professional obligation. Amateurs have not learned to shut off parts of their consciousness to focus on only the appropriate elements of a literary text. They respond to poems in the sloppy fullness of their humanity. Their emotions and memories emerge entangled with half-formed thoughts and physical sensations. As any thinking person can see, such subjectivity is an intellectual mess of the highest order. But aren't average readers simply approaching poetry more or less the way human beings experience the world itself?

Life is experienced holistically with sensations pouring in through every physical and mental organ of perception. Art exists embodied in physical elements—especially meticulously calibrated aspects of sight and sound—which scholarly explication can illuminate but never fully replace. However conceptually incoherent and subjectively emotional, the amateur response to poetry

III

Sự kiện vào thời điểm này thơ không được quần chúng hưởng ứng ... ở một mức độ nào đó, lại là điều thuận lợi cho thơ và cho xã hội xét như một tổng thể.

– David Perkins

Những nhà phê bình đặt nặng vấn đề học thuật thường bác bỏ những hưởng ứng của người đọc trung bình đối với thơ vì xem chúng là ngây thơ và mơ hồ, và giả định này cũng phần nào được chứng thực. Những phản ứng của đa số người đọc thường là vô tổ chức, lộn xộn, không nhất quán, và chủ quan một cách vô phương cứu chữa. Tệ hại hơn nữa, những người đọc không chuyên thường chỉ đọc một phần của bài thơ vì lẽ có khi chỉ một từ hoặc một hình ảnh đủ khiến họ quay ngược trở lại về hồi ức nào đó, hoặc ném họ vào một sự tưởng tượng phía trước. Nhưng người đọc không chuyên đọc thơ vì lòng yêu thơ hoặc do hiếu kì lại có được ít nhất một lợi thế so với người đọc chuyên nghiệp do nghĩa vụ nghề nghiệp. Đó là người đọc không chuyên không tự giới hạn ý thức của họ để chỉ khu trú sự quan tâm của họ vào những yếu tố thích hợp của một văn bản văn học. Trước những bài thơ họ đáp ứng bằng tất cả sự tràn đầy của bản tính con người cho dù sự tràn đầy đó là luộm thuộm, sứt mẻ. Những cảm xúc cùng những hồi ức của họ trởi dậy đan xen với những ý nghĩ thoáng hiện cùng những cảm giác của cơ thể. Người nào có chút suy nghĩ cũng thấy được rằng một chủ quan tính như vậy là mớ hỗn độn tri thức cực kì. Nhưng đó chẳng phải là những người đọc trung bình chỉ đơn giản là tiếp cận thơ hầu như theo cách mà chính những con người vẫn trải nghiệm về thế giới?

Cuộc sống được con người trải nghiệm bằng tất cả bản thân họ như một chỉnh thể [experienced holistically] với những cảm giác tuôn tràn vào thông qua mọi cơ quan nhận thức của con người, cả cơ quan vật chất lẫn tinh thần. Nghệ thuật, một khi hiện hữu, nó bao gồm những yếu tố vật lí – đặc biệt là những khía cạnh thị và thính giác được định cỡ một cách tỉ mỉ – chính vì vậy mà sự giải thích về mặt học thuật có thể soi sáng những khía cạnh đó, nhưng chẳng bao giờ thay thế hoàn toàn được. Về mặt khái niệm, tuy là không nhất quán và mang tính cảm xúc hoàn toàn chủ quan, nhưng đáp ứng của người đọc không chuyên

comes closer to the larger human purposes of the art—which is to awaken, amplify, and refine the sense of being alive—than does critical commentary. The scholarly response may be accurate and insightful. The culture is enriched by specialized discourse about literary texts and traditions. But critical analysis remains deliberately outside the full experience of the poem, which is physical, emotional, subjective, and intuitive as well as intellectual.

Literature has many uses, not all of which occur in a classroom. Poetry would not be a universal human practice if it did not serve large and various purposes. People have sung or chanted poems to sow and reap, court reluctant lovers, march into battle, lull infants to sleep, and call the faithful to worship. Poetry gave humanity the words to get through life. Most of those once common occasions for poetry seem embarrassingly old-fashioned now that piped-in tunes and handheld devices provide the background music for life's journey. But even in its diminished state, poetry must still provide something valuable to ordinary lives, or it would have vanished utterly. Poems can be analyzed, but that sort of intellection is a secondary activity. There are more elemental reasons why the art exists and has been integrated into so many human places and situations. To have survived since the beginnings of the race, the art must still be useful in some basic way. It says everything about contemporary literary studies that there is neither consensus nor even much interest in this issue, which was considered foundational in earlier ages.

*Translated into Vietnamese by
Phạm Kiều Tùng*

(Be continued)

đối với thơ lại gần gũi với những mục đích của nghệ thuật nhằm đáp ứng những đòi hỏi rộng lớn hơn của con người – đó là làm thức tỉnh, khuyếch đại, và tinh luyện cái cảm thức về sự sinh động của cuộc hiện hữu – hơn là sự bình luận mang tính phê bình. Đáp ứng nặng tính học thuật có thể chính xác và sâu sắc. Nền văn hóa trở nên phong phú nhờ loại nghị luận chuyên ngành về những văn bản và những truyền thống văn học. Nhưng sự phê bình mang tính phân tích vẫn thật trọng đứng ngoài trải nghiệm tràn đầy sức sống của bài thơ, là trải nghiệm mang tính vật lí, cảm xúc, chủ quan, và trực giác cũng như là tri thức.

Tác phẩm văn học có nhiều công dụng, không phải tất cả đều diễn ra trong phòng học. Thơ sẽ không phải là sự rèn luyện của con người diễn ra ở mọi nơi mọi thời nếu nó không phục vụ những mục đích rộng lớn và đa dạng. Con người đã hát xướng hoặc ngâm ngợi những bài thơ khi họ gieo và gặt, khi tán tỉnh người tình còn thờ ơ, khi xung trận, khi ru trẻ ngủ, và gọi người ngoan đạo tới khóa lễ. Thơ ban cho nhân loại những từ ngữ để giúp con người thoải mái trong cuộc sống. Hầu hết những gì đã từng là cơ hội thông thường để thơ lộ diện thì nay xem ra là lỗi thời, và giờ đây loại nhạc thu sẵn được phát thanh liên tục cùng những thiết bị cầm tay đã cung cấp nhạc nền cho cuộc hành trình là cuộc đời con người. Nhưng ngay cả trong trạng thái bị giảm thiểu, thơ vẫn phải cung ứng được điều gì đó có giá trị cho những cuộc đời bình thường, vì nếu không thế, nó sẽ phải biến mất hoàn toàn. Những bài thơ có thể được phân tích, nhưng loại hiểu biết đó chỉ là một hoạt động thứ yếu. Có nhiều nguyên nhân cơ bản hơn giải thích lí do tồn tại của nghệ thuật này, và tại sao nó đã hội nhập vào quá nhiều nơi chốn và tình huống của con người. Từng sống sót kể từ buổi đầu của loài người, nghệ thuật này ắt vẫn phải là hữu dụng theo một cách cơ bản nào đó. Điều này nói lên mọi điều về những nghiên cứu văn học đương đại rằng chẳng có sự nhất trí thậm chí chẳng có đủ mối quan tâm về vấn đề này, là vấn đề từng được xem là nền tảng trong những thời xa xưa.

Phạm Kiều Tùng dịch

(Còn nữa)

William Butler Yeats

THE FISH

ALTHOUGH you hide in the ebb and flow
Of the pale tide when the moon has set,
The people of coming days will know
About the casting out of my net,
And how you have leaped times out of mind
Over the little silver cords,
And think that you were hard and unkind,
And blame you with many bitter words.

Paul Henry

THE BLACK GUITAR

Clearing out ten years from a wardrobe
I opened its lid and saw Joe
written twice in its dust, in a child's hand,
then a squiggled seagull or two.
Joe, Joe
a man's tears are worth nothing,
but a child's name in the dust, or in the sand
of a darkening beach, that's a life's work.
I touched two strings, to hear how much
two lives can slip out of tune
then I left it,
brought down the night on it, for fear, Joe
of hearing your unbroken voice, or the sea
if I played it.

* **Paul Henry** là một nhà thơ, người viết ca khúc nổi tiếng xứ Welsh (Anh). Bài thơ được trích trong tập thơ *The Brittle Sea*, do tác giả gửi tặng *Báo Giấy*.

CÁ

MẶC DÙ mi nấp trong thủy triều nhợt
nhạt lên xuống khi trăng lặn người ta
vào những ngày tối vẫn nhận ra cái
quăng lưới của ta và làm sao mi
nhảy nhiều lần khỏi tâm trí qua những
dây thần kinh nhỏ bé ánh bạc và
nghĩ rằng mi cục cằn không tốt và
trách móc mi với những lời gay gắt.

GHI TA ĐEN

Dọn dẹp tủ quần áo sau mười năm tôi mở
nắp hộp đựng đàn và thấy chữ Joe viết hai
lần trong lớp bụi, bằng bàn tay trẻ con, sau
đó là nét thấu hình một cánh chim hải âu
hoặc hai.

Joe, Joe

nước mắt của một người đàn
ông chẳng giá trị gì nhưng tên của đứa trẻ
trong lớp bụi, hoặc trong cát nơi một bờ biển
quá khứ, đó là tác phẩm của đời. Tôi chạm
hai sợi dây, để nghe xem bao nhiêu hai cuộc
đời có thể vượt khỏi giai điệu rồi bỏ đó
đóng nắp hộp

lại, vì sợ Joe, phải nghe giọng
êm đềm của mi hoặc của biển cả nếu tôi
gảy nó lên.

Joe có thể là tên thời thơ ấu của tác giả và hai cuộc đời có lẽ là cuộc đời bây giờ và cuộc đời thuở thiếu thời (ghi chú của người dịch).

Khế Iêm dịch